

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2022

V/v: Ly hôn giữa chị Tr và anh Đ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tiến Dũng

Bà Vương Thị Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 26-01-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 455/2021/TLST-HNGĐ ngày 06-12-2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13-01-2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1974; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 181 đường P, phường Đ, thành phố N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Số 16/238 đường T, phường K, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1973; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 181 đường P, phường Đ, thành phố N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Số 108 đường S, phường K, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị Tr và anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02-12-2021, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tr trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn Đ tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N vào ngày 28-01-2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không có sự hòa hợp về lối sống, bất đồng về tính cách. Do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2015 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Bùi Văn Đ.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tr xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Bùi Minh H, sinh ngày 18-9-2002. Hiện nay, cháu H đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn Đ có lời khai trình bày: Anh xác nhận thời gian, hoàn cảnh, địa điểm đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng như chị Tr trình bày là đúng. Do mâu thuẫn đã kéo dài nên anh nhất trí ly hôn với chị Tr. Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Bùi Minh H, sinh ngày 18-9-2002, cháu H đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ chung của vợ chồng. Anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Những tài liệu chứng cứ về quan hệ hôn nhân và con chung của đương sự do Tòa án xác minh, đã thể hiện: Chị Tr và anh Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N. Vợ chồng chị Tr và anh Đ có 01 con chung là Bùi Minh H, sinh năm 2002. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

- Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Bùi Văn Đ.

Về con chung: Cháu Bùi Minh H đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Bùi Văn Đ không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Bùi Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Tr và anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Bùi Văn Đ tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N vào năm 2002 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống khi nảy sinh những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị Tr và anh Đ không tìm biện pháp hòa giải hàn gắn tình cảm mà lại chọn giải pháp sống ly thân mỗi người một nơi. Tòa án đã nhiều lần hòa giải tạo điều kiện cho hai bên khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình nhưng chị Tr vẫn cương quyết xin ly hôn còn anh Đ không đến tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ hôn nhân hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Bùi Văn Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Cháu Bùi Minh H đã trưởng thành có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Bùi Văn Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tr là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Bùi Văn Đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tr phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp theo biên lai số

0005076 ngày 06-12-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

3. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Bùi Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND phường T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Việt Bằng